

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 8 - 2023
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hoàng; bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 124/2023/TLST-HN&GD ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Kim Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ E, khóm P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Mộng P, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ E, khóm P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kim Thị H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày: Bà H với ông Nguyễn Mộng P tự tìm hiểu, quen biết và yêu thương nhau, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Nhà Bàng, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên vào ngày 14/11/2006. Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông Nguyễn Mộng P có 02 con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 19/6/2006 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 16/4/2012 hiện hai con sinh sống cùng với ông P. Năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông P không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè, không lo cho con cái, bà H đã nhiều lần khuyên can nhưng không được; bà H với ông P đã không còn sống chung từ đầu

năm 2021 cho đến nay. Đầu năm 2023 đến nay, bà **H** làm công nhân công ty may ở thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng có về thăm con; từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay thì không ai quan tâm đến ai, ông **P** không liên lạc, hỏi thăm hay hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà **H** yêu cầu ly hôn với ông **P**. Về con chung, cấp dưỡng: bà **H** đồng ý giao 02 con chung cho ông **P** được tiếp tục nuôi dạy, bà **H** không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, không có.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: giấy chứng nhận kết hôn giữa ông **Nguyễn Mộng P** và bà **Kim Thị H** (bản chính); giấy khai sinh tên Nguyễn Kim Y, **Nguyễn Minh Đ** (bản sao); căn cước công dân tên **Kim Thị H** (bản photo).

*Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Nguyễn Mộng P** (sau đây gọi tắt là ông **P**) trình bày:* Thống nhất lời trình bày của bà **H** về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn **N** vào năm 2006. Ông **P** cho rằng, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn nên không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà **H**. Về con chung, cấp dưỡng, trong thời kỳ hôn nhân, ông **P** với bà **H** có 02 con chung tên Nguyễn Kim Y, sinh ngày 19/6/2006 và **Nguyễn Minh Đ**, sinh ngày 16/4/2012 hiện đang sống cùng ông **P**, ông **P** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà **H** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu: Không có.

Tại phiên tòa,

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, bà **Kim Thị H** với ông **Nguyễn Mộng P** có đăng ký kết hôn nên là

hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; hiện bà **H** và ông **P** đã không còn sống chung từ năm 2021 đến nay, cả hai không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng của bà **H** đối với ông **P** đã không còn, không thể hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **H** đối với ông **P**; về con chung, giao 02 cháu Nguyễn Kim Y và **Nguyễn Minh Đ** cho ông **P** được tiếp tục nuôi dạy, bà **H** không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, bà **H** và ông **P** không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà **Kim Thị H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Mộng P**; ông **P** cư trú trên địa bàn thị xã T, tỉnh **An Giang**. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà **H** có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa; ông **Nguyễn Mộng P** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **H**, ông **P**.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Kim Thị H** và ông **Nguyễn Mộng P** chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Nhà Bàng, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên theo giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01, ngày 14/11/2006 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Bà **H** trình bày, sau khi kết hôn, bà và ông **P** chung sống hạnh phúc, năm 2021 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung. Khoảng đầu năm 2023 đến nay, bà làm công nhân công ty may ở thành phố Hồ Chí Minh,

thỉnh thoảng có về thăm con. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không ai quan tâm đến ai, ông P không liên lạc, hỏi thăm hay hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông P không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè, không lo cho con cái, bà nhiều lần khuyên can nhưng không được, tình cảm vợ chồng giữa bà với ông P đã không còn nên không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống hạnh phúc. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Ông P cho rằng, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi bà H, ông P sinh sống có nội dung: ông P hiện đang sinh sống ở địa phương, bà H đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng có về thăm con; ông P phi thường x uống rượu, không lo làm ăn nên cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và tự hòa giải. Bà K không hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng ông P, bà H.

Sau khi thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông P, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông P đến để tiến hành hòa giải và tạo điều kiện về thời gian cho bà H, ông P hàn gắn nhưng ông P không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy ông P không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà H và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Tại Biên bản ghi nhận lời khai ông Nguyễn Mộng P do Tòa án lập ngày 21/6/2023, ông P xác định, bà H hiện làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh, ông P hiện đang thất nghiệp, không có việc làm, chi phí nuôi con do bà H gửi về. Bà H xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, yêu cầu được ly hôn với ông P.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông P là trầm trọng, đã kéo dài, các bên không hòa giải được và đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với ông P. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải có sự tự nguyện từ cả vợ và chồng, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nếu chỉ có sự níu kéo từ một phía sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân sẽ không đạt được.

Vì vậy, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà H với ông P là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng: Bà H, ông P cùng xác định ông bà có 02 con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 19/6/2006 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 16/4/2012; bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông P được tiếp tục nuôi dạy, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của ông P đồng ý tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà H là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh Đ; đối với cháu Nguyễn Kim Y hiện đang sinh sống cùng ông P có nguyện vọng được sống cùng bà H sau khi bà H và ông P ly hôn, tuy nhiên, bà H hiện đi làm xa nên không có điều kiện

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng em Y. Xét việc ông P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung phù hợp với ý kiến của bà H, việc ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng là ý kiến tự nguyện và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao 02 con chung Nguyễn Kim Y và Nguyễn Minh Đ cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng; bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp. Ông Nguyễn Mộng P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị H được ly hôn ông Nguyễn Mộng P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01, ngày 14/11/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T (nay là phường N, thị xã T), tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung, cấp dưỡng: Ông Nguyễn Mộng P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Kim Y, sinh ngày 19/6/2006 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 16/4/2012; bà Kim Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Mộng P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Kim Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà **Kim Thị H** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2022/0009082 ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên; bà **Kim Thị H** đã nộp đủ án phí.

Ông **Nguyễn Mộng P** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung